

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1900~~ /SYT-TCKT
V/v báo cáo tình hình kết quả
công tác Thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí năm 2014

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2014;

Căn cứ Công văn số 5272/UBND-KTTH ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn;

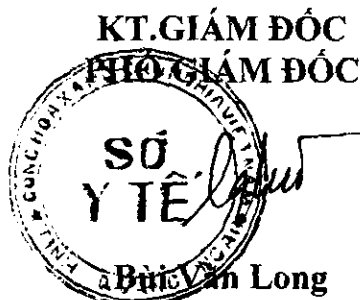
Căn cứ Công văn số 2760/STC-TTr ngày 20/11/2014 của Sở Tài chính Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình kết quả công tác Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2014,

Sở Y tế đề nghị các đơn vị khẩn trương báo cáo theo biểu mẫu và phân tích, đánh giá về kết quả công tác Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2014 theo đề cương, biểu mẫu kèm theo Công văn này (Số liệu báo cáo năm 2014, cập nhật số liệu tiết kiệm từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014)

Báo cáo gửi đến Sở Y tế bằng đường Công văn và hộp thư điện tử: havanhuong11@yahoo.com, volinhquan2010@gmail.com, để tổng hợp kịp thời. Thời gian gửi báo cáo về Sở Y tế chậm nhất ngày 31/12/2014 để Sở Y tế tổng hợp, báo cáo gửi Sở Tài chính theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận: như trên

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD Sở;
- CVP;
- Lưu VT, KT-TC.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC THTK, CLP NĂM 2014

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt triển khai thực hiện.
2. Công tác tổ chức quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP.
3. Công tác xây dựng chương trình hành động THTK, CLP.
4. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; công quỹ, tài sản công; quy hoạch, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên; chương trình THTK, CLP; kết quả thực hành, tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.
5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP.

1. Kết quả THTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực:

- a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN).
- b) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản nhà nước.
- c) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí NSNN và công trình phúc lợi công cộng.
- d) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.
- đ) THTK, CLP trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.
- e) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.
- g) THTK, CLP trong sản xuất, tiêu dùng của nhân dân.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện.
- Số vụ việc đã được xử lý
- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý.

3. Phân tích, đánh giá.

a) Đánh giá kết quả đạt được.

- Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội.

- So sánh, đối chiếu giữa kết quả đạt được với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đã đề ra trong Chương trình THPTK, CLP.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

c) Những kinh nghiệm rút ra.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THPTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo.

1. Phương hướng, nhiệm vụ.

2. Các giải pháp.

IV. Đề xuất, kiến nghị về THPTK, CLP.

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành.

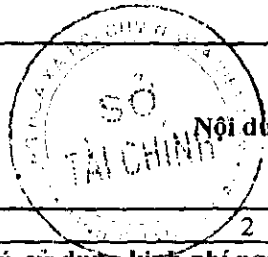
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THPTK, CLP.

3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THPTK, CLP.

4. Các kiến nghị khác (nếu có).

SỔ LIỆU TỔNG HỢP THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2014

(Kèm theo báo cáo số 27/QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2014)



STT	Nội dung	DVT	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2014	ƯTH quý IV năm 2014	Lũy kế thực hiện năm 2014	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4+5	7
I	Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)					
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN					
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng				
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chỉ thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng				
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác					
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN					
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:					Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	triệu đồng				
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng				Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng				
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng				
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng				
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng				
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng				
	<i>Các nội dung khác</i>	triệu đồng				
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng				
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng				
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ					
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
II	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)					
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc				
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc				
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc				
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc				
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng				
2	Tài sản khác					
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản				
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản				
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng				
3	Các nội dung khác					

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2014	ƯTH quý IV năm 2014	Lũy kế thực hiện năm 2014 6=4+5	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4+5	7
III	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng					
1	Trong đầu tư xây dựng					
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án				
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng				
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng				
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng				
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng				
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án				
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ					
	Số lượng	dự án				
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng				
2	Trụ sở làm việc					
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²				
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²				
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²				
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²				
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²				
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng				
3	Nhà công vụ					
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²				
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²				
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²				
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²				
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²				
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
IV	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên					
1	Quản lý, sử dụng đất					
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác					
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được					
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án				
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt					
4	Các nội dung khác					
V	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước					
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ				
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2014	ƯTH quý IV năm 2014	Lấy kế thực hiện năm 2014	Ghi chú
1		3	4	5	6=4+5	7
3	Các nội dung khác					
VI	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp					
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh					
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng				
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng				
	Tiết kiệm điện	Kw/h				
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)				
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng				
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	triệu đồng				
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng				
2	Quản lý đầu tư xây dựng					
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án				
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án				
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được					
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng				
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng				
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng				
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng				
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn					
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án				
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng				
2.5	Các nội dung khác					
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN					
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng				
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng				
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện					
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con					
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc				
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc				
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng				
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng				
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng				
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ					
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng				
5	Nợ phải thu khó đòi					
	Số đầu kỳ	triệu đồng				
	Số cuối kỳ	triệu đồng				
6	Vốn chủ sở hữu					
	Số đầu năm	triệu đồng				
	Số cuối kỳ	triệu đồng				
VII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân					
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ				
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ				

